

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2019/HS-ST

Ngày: 15-5-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Thiện;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh - Thư ký của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thị xã Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 75/2019/TLST- HS ngày 26 tháng 3 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Trường S, sinh năm 1997; nơi cư trú: Phường G, Quận B, Thành phố H; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị H; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Ngày 18/3/2016, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 22/2016/HSST, chấp hành xong ngày 29/6/2016.

- Ngày 18/8/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 43/2017/HSST, chấp hành xong ngày 13/10/2017, chưa nộp án phí theo Quyết định của bản án.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 30/11/2018 đến nay.

2/ Trần Huy T, sinh năm 1998; nơi cư trú: xã Đ, huyện M, Thành phố H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Liệt D, sinh năm 1974 và bà Đào Thị Thúy K, sinh năm 1976; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ từ ngày 30/11/2018 đến ngày 09/12/2018, ngày 09/12/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn bằng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1960; nơi cư trú: khu phố B, phường B, Quận T, Thành phố H; tạm trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm T, sinh năm 1958; nơi cư trú: khu phố B, phường B, Quận T, Thành phố H; tạm trú: khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện H, Thành phố H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 30/11/2018, Nguyễn Trường S điện thoại cho Trần Huy T rủ đi trộm cắp tài sản thì T đồng ý. Trước khi đi, S chuẩn bị 01 ba lô màu đen, 01 bình xịt hơi cay. Cả hai hẹn gặp nhau tại chung cư H, Quận G, Thành phố H. Tại đây, S đưa xe mô tô biển số 55Y8-6311 nhãn hiệu Yamaha Mio Classico cho T điều khiển.

Đến khoảng 13 giờ 00 cùng ngày, T chở S đến trước cửa hàng tạp hóa tại địa chỉ khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương do bà Nguyễn Thị Như H, sinh năm 1960 làm chủ, thấy không có người trông coi nên T dừng xe, S đi vào bên trong cửa hàng tạp hóa kéo ngăn kéo bàn lấy trộm 01 ví vải màu xanh bên trong có số tiền 565.000 đồng, 01 ví da màu hồng bên trong có 600.000 đồng, số tiền mặt 1.356.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám, 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng, 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng rồi ra chỗ T đứng đợi và cất toàn bộ tài sản vừa trộm được vào chiếc ba lô màu đen của T đem theo để cất giữ tài sản lấy trộm. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở S đi về hướng Quận G, Tp H. Khi đi đến đoạn đường thuộc phường H, Quận G, thành phố H bị tổ tuần tra Công an Quận G phát hiện nghi vấn nên dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra phát hiện những tài sản trên nên Công an Quận G đưa S, T về trụ sở làm việc, S và T khai nhận số tài sản trên trộm cắp ở phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Nhận thấy, hành vi trộm cắp tài sản của S và T xảy ra tại địa bàn thị xã T, tỉnh Bình Dương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận G, Tp.H chuyển toàn bộ hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 ví vải màu xanh bên trong có số tiền 565.000 đồng, 01 ví da màu hồng bên trong có 600.000 đồng, số tiền mặt 1.356.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám, 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng, 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 55Y8 – 6311, 01 ba lô màu đen và 01 bình xịt hơi cay.

Theo Biên bản định giá tài sản và bản kết luận định giá tài sản ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thị xã T xác định:

- + 01 ví vải màu xanh, 01 ví da màu hồng trị giá 50.000 đồng.
- + 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám trị giá 2.000.000 đồng.
- + 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng trị giá 280.000 đồng.
- + 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng trị giá 150.000 đồng.
- + 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng trị giá 280.000 đồng.
- + 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng trị giá 500.000 đồng.
- + 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng trị giá 300.000 đồng.
- + 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng trị giá 300.000 đồng.
- + 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng trị giá 200.000 đồng;
- + 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng trị giá 150.000 đồng.
- + 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng trị giá 20.000 đồng.
- + 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng trị giá 300.000 đồng.

Tổng cộng: 4.580.000 đồng (Bốn triệu năm trăm tám chục nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKS-TA ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Trường S về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Trần Huy T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, xác định:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Trường S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Trần Huy T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về

hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt:

- Bị cáo Nguyễn Trường S mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Bị cáo Trần Huy T mức hình phạt từ 07 (bảy) tháng đến 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 (mười bốn) tháng đến 18 (mười tám) tháng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với các tài sản: 01 ví vải màu xanh, 01 ví da màu hồng, số tiền mặt 2.521.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám, 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng, 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng thuộc sở hữu của bị hại Nguyễn Thị Như H nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 55Y8 – 6311 thu giữ của bị cáo Nguyễn Trường S, qua điều tra S khai mua chiếc xe trên qua mạng xã hội của một đối tượng không rõ lai lịch. Qua xác minh biển số xe 55Y8 – 6311 thể hiện chủ xe là ông Lê Hồng Đ, địa chỉ huyện M, Thành phố H đối với loại xe hai bánh từ 50-175cm³, số loại: Air Blade F1, nhãn hiệu Honda, màu sơn: Vàng Xám Bạc, dung tích xy lanh 108, số máy: JF27E-0299400, số khung: JF1809AY-258016. Tuy nhiên, theo kết luận giám định số 76-SKSM-PC09 ngày 18/01/2019 thể hiện xe mô tô thu giữ của bị cáo S gửi đến giám định là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại MIO Classico 23C1, dung tích xy lanh 113,7cm³, biển số 55Y8-6311, số khung: RLCM23C109Y016618, số máy: 23C1-016619.

Qua làm việc ông Đ khai đã bán chiếc xe của ông Đ tại cửa hàng mua bán xe cũ (Không rõ địa chỉ). Qua tra cứu số khung RLCM23C109Y016618, số máy 23C1 – 016619 không tìm thấy dữ liệu tra cứu. Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn không có người đến liên hệ giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho Công an thị xã T xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với 01 ba lô màu đen, bị cáo S sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp và 01 bình xịt hơi cay bị cáo S mang theo để phòng thân đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Như H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường gì nên không đặt ra xem xét.

Theo đơn yêu cầu xét xử vắng mặt bà H yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S và bị cáo T.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội giống nội dung Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo đã ăn năn, hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt để được sớm trở về với gia đình, làm người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trường S và bị cáo Trần Huy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã truy tố trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 11 giờ 00 phút, ngày 30/11/2018, bị cáo Nguyễn Trường S và bị cáo Trần Huy T đến cửa hàng tạp hóa của bà Nguyễn Thị Như H, khu phố Đồng An 3, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, thấy tiệm tạp hóa không có người trông coi, bị cáo T đứng ngoài cảnh giới, bị cáo S lén lút đi vào cửa hàng tạp hóa kéo ngăn kéo bàn lấy trộm các tài sản của bà Nguyễn Thị Như H bao gồm: 01 ví vải màu xanh bên trong có số tiền 565.000 đồng, 01 ví da màu hồng bên trong có 600.000 đồng, số tiền mặt 1.356.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám, 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng; 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 7.101.000 đồng (Bảy triệu một trăm lẻ một nghìn đồng).

Trong vụ án này, bị cáo S là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo T nghe lời bị cáo S rủ rê và đồng ý cùng bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T là đồng phạm với vai trò giúp sức.

Ngày 18/3/2016, bị cáo S đã bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản theo Bản án số 22/2016/HSST, chấp hành xong ngày 29/6/2016, chưa được xóa án tích, đến ngày 18/8/2017 lại thực hiện hành vi phạm tội và bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bình Dương xử phạt 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (chưa đạt) theo Bản án số 43/2017/HSST nên thuộc trường hợp tái phạm, đến ngày 30/11/2018 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản của bà H nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Nguyễn Trường S về tội “Trộm cắp tài sản” theo Điểm g Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Trần Huy T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây

mất trật tự, trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, muốn có tài sản sử dụng không phải bằng sức lao động của mình nên các bị cáo đã cố ý thực hiện. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng cho bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Nguyễn Trường S trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Trần Huy T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm i, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo Tân có nhân thân tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, việc không cách ly bị cáo ra ngoài xã hội cũng không gây nguy hiểm nên không cần cách ly bị cáo mà áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện để bị cáo tự cải tạo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục theo quy định pháp luật.

[6] Hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các tài sản: 01 ví vải màu xanh, 01 ví da màu hồng, số tiền mặt 2.521.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Dous màu xám, 14 thẻ Mobiphone mệnh giá 20.000 đồng, 03 thẻ Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 14 thẻ Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 10 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 100.000 đồng, 15 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 20.000 đồng, 04 thẻ Vietnam mobile mệnh giá 50.000 đồng; 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng, 01 thẻ Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và 03 thẻ Vinaphone mệnh giá 100.000 đồng thuộc sở hữu của bị hại Nguyễn Thị Như H, Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà H là đúng quy định.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại MIO Classico 23C1, dung tích xy lanh 113,7cm³, biển số 55Y8-6311, số khung: RLCM23C109Y016618, số máy: 23C1-016619 giao cho Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương để xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định.

- Đối với 01 ba lô màu đen bị cáo S sử dụng để cất giấu tài sản trộm cắp và 01 bình xịt hơi cay bị cáo S mang theo để phòng thân cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Như H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Huy T.

- Điểm g Khoản 2 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Trường S.

- Điều 17, Điều 47, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Khoản 2 Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trường S và bị cáo Trần Huy T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường S 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/11/2018.

Xử phạt bị cáo Trần Huy T 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án 15/5/2019.

Giao bị cáo Tân cho UBND xã Đ, huyện M, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 ba lô màu đen, 01 bình xịt hơi cay.

- Giao cho Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha, số loại MIO Classico 23C1, dung tích xy lanh 113,7cm³, biển số 55Y8-6311, số khung: RLCM23C109Y016618, số máy: 23C1-016619 để xử lý theo quy định.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/3/2019 giữa Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Trường S và bị cáo Trần Huy T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã T;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã T;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Ánh